TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KON TUM** Bản án số: **02**/2023/DS-PT Ngày : 06/03/2023 *"V/v Tranh chấp về bồi thường thiệt hại trong thi Hành án dân sự*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

- THành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Ông Huỳnh Nguyên.

Các Thẩm phán : Ông Trần Tỷ và ông Nguyễn Minh THành

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Trần Thị T – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum*: Bà Trương Thị Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 23/2022/TLPT-DS ngày 01/11/2022 về việc *"Tranh chấp về bồi thường thiệt hại trong thi Hành án dân sự"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày: 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 37/2022/QĐXX-PT ngày 19 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; Địa chỉ: Số 49 đường N.V.X, phường P.H, thành phố P K, tỉnh Gia Lai; có mặt

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Đức N; Địa chỉ (mới): Văn phòng luật sư Ngô Đức N, 203 đường Lý Thái Tổ, thành phố P K, tỉnh Gia Lai; có mặt

- Bị đơn: Chi cục Thi Hành án dân sự (viết tắt là: THADS) huyện N H, tỉnh Kon Tum; Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Đình A– Chi cục trưởng; Địa chỉ: Thôn 6, thị trấn P K1, huyện N H, tỉnh Kon Tum; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Cục THADS tỉnh Kon Tum; Người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Minh Hoàng T –Trưởng cục THADS tỉnh Kon Tum; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trịnh Thị Kim P – Phó trưởng phòng kiểm tra và giải quyết khiếu

nại, tố cáo Cục THADS tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: Số 42 đường Trương Hán S, phường D T, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum; có mặt

+ Ông Phan Văn H; Nơi làm việc: Chi cục THADS huyện Đ T, tỉnh Kon Tum; (*có đơn xin xét xử vắng mặt*);

+ Bà Nguyễn Thị Th; Nơi làm việc: Chi cục THADS huyện N H, tỉnh Kon Tum; Địa chỉ: Thôn 6, thị trấn P K1, huyện N H, tỉnh Kon Tum; (*vắngmặt*);

+ Bà Đinh Thị Nh; Địa chỉ: Thôn 6, thị trấn P K1, huyện N H, tỉnh Kon Tum, (đã chết); Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng: Anh Nguyễn Thái S, chị Nguyễn Thị Ánh T, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đinh Thái H1, chị Đinh Thị Kiều T1; cùng địa chỉ: Thôn 6, thị trấn P K1, huyện N H, tỉnh Kon Tum; (*Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu H; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ngô Đức N thay nguyên đơn trình bày:

Căn cứ vào Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum; Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2011/QĐPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum; Bà làm đơn yêu cầu thi Hành án đối với bà Đinh Thị Nh khoản nợ 872.000.000 đồng và tiền lãi chậm thi Hành án tại Chi cục THADS huyện N H, tỉnh Kon Tum. Tại Quyết định Thi Hành án số 09/QĐ-CCTHA ngày 03/10/2011, Chi cục THADS huyện N H cho thi Hành khoản nợ nêu trên. Tại Quyết định số 01/QĐ-CCTHA ngày 21/10/2011 Chi cục THADS huyện N H kê biên tài sản của bà Nh là nhà, đất tại số 126 đường Trần Phú, thị trấn P K1, huyện N H (sau đây gọi tắt là nhà,đất tại số 126) để bảo đảm thi Hành án.

Tuy nhiên, ngày 15/8/2012, Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định số 163/QĐ-CCTHA (sau đây gọi tắt là Quyết định số 163) hủy toàn bộ kết quả thi Hành án (theo Quyết định thi Hành án số 09/QĐ-CCTHA ngày 03/10/2011 và Quyết định số 01/QĐ-CCTHA ngày 21/10/2011) nên sau đó, bà Nh đã chuyển nhượng nH đất nêu trên cho người khác. Bà khiếu nại Quyết định số 163 nêu trên thì tại Thông báo số 667/TB-TCTHADS ngày 27//3/2013, Tổng cục THADS - Bộ Tư pháp kết luận: "nhà,đất tại số 126 vào thời điểm áp dụng biện pháp kê biên chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho người khác nên vẫn thuộc quyền sử dụng, định đoạt của bà Nh" và tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CTHA ngày 17/01/2014, Cục trưởng Cục THADS tỉnh Kon Tum yêu cầu tiếp tục tổ chức thi Hành án theo Quyết định thi Hành án số 09/QĐ-CCTHA ngày 03/10/2011.

Hiện nay, bà Nh không còn tài sản nào khác (ngoài nhà,đất tại số 126 đã bán) để thi Hành án, nên tại Công văn số 1442/TC-THADS -NV ngày 14/5/2015, Tổng cục THADS - Bộ Tư pháp yêu cầu Cục THADS tỉnh Kon Tum chỉ đạo Chi cục THADS huyện N H giải quyết bồi thường cho Bà. Sau đó bà khởi kiện tại TAND huyện N H và đã được Tòa án các cấp tỉnh Kon Tum xét xử tại bản án DSST số 03 ngày 10/6/2016 của TAND huyện N H và bản án DSPT

số 20 ngày 20/12/2016 của TAND tỉnh Kon Tum. Do vi phạm tố tụng nên tại Quyết định giám đốc thẩm số 31 ngày 04/4/2018 của TANDCC tại Đà Nẵng đã hủy toàn bộ các bản án này để giải quyết sơ thẩm lại theo pháp luật. Do vậy, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Chi cục THADS huyện N H bồi thường tổng cộng 1.340.278.000 đồng (gồm: Nợ gốc 872.000.000 đồng; lãi chậm thi Hành án từ ngày 19/10/2011 đến ngày 10/6/2016 là 364.278.000 đồng; chi phí đi lại và thu nhập thực tế bị mất là 54.000.000 đồng; chi phí thuê luật sư 50.000.000 đồng).

Trong quá trình gải quyết vụ án, nguyên đơn thay đổi, yêu cầu tổng số tiền bồi thường là 1.940.788.800đ (gồm: Nợ gốc 872.000.000 đồng; lãi chậm thi Hành án từ ngày 19/10/2011 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2022) là 998.788.800đ; chi phí đi lại và thu nhập thực tế bị mất là 20.000.000 đồng; chi phí thuê luật sư 50.000.000đ). Đối với chi phí đăng thông tin tìm bà Nh vắng mặt tại nơi cư trú, nguyên đơn đã chi số tiền 2.894.000 đồng; nay bà Nh đã chết nên nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này.

- *Bị đơn:* Chi cục THADS huyện N H, trình bày:

Ngày 03/10/2011, Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định Thi Hành án số 09/QĐ-CCTHA và ngày 21/10/2011 ban Hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHA, kê biên nhà,đất tại số 126 của bà Đinh Thị Nh để thi Hành án theo đơn yêu cầu thi Hành án của bà H. Tuy nhiên, ngày 10/11/2011, Chi cục nhận được Công văn số 403/CV-CSĐT (PC45) của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Kon Tum và ngày 18/11/2011 nhận được Công văn số 106/CV-VKS của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đều đề nghị giao nhà,đất tại số 126 cho bà Nguyễn Thị Nhất với lý do bà Nhất là bị hại trong vụ án Đinh Thị Nh lừa đảo chiếm đoạt tài sản và bà Đinh Thị Nh đã đồng ý giao nhà,đất nêu trên cho bà Nhất để khắc phục hậu quả.

Tại văn bản số 357/CTHA-NV ngày 26/7/2012, Cục THADS tỉnh Kon Tum yêu cầu Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H hủy các Quyết định thi Hành án trước đó để làm lại thủ tục từ đầu, nên Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định số 163 nêu trên. Sau đó, Ban chỉ đạo THADS huyện N H họp nhiều lần nhưng các tHành viên không đồng tình cưỡng chế, kê biên nhà,đất tại số 126 của bà Nh nên bà Nh đã chuyển nhượng nH đất này cho người khác.

Nay vụ việc đã qua nhiều cấp xét xử, tại Quyết định giám đốc thẩm số 31/2018/DS-GĐT, ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã đưa ra hướng giải quyết, xét xử vụ án cho Tòa án cấp dưới khi thụ lý, xét xử lại vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại mức yêu cầu bồi thường thiệt hại của nguyên đơn, đánh giá mức độ thiệt hại khách quan, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho tất cả các bên theo đúng quy định pháp luật.

Trong quá trình tham gia tố tụng, Chi cục THADS huyện N H, đã tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản hết 3.000.000đ (ba triệu đồng). Tại phiên tòa bị đơn thay đổi ý kiến không yêu cầu Tòa án giải quyết số tiền này nữa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cục THADS tỉnh Kon Tum trình bày:

Thứ nhất, không đồng ý với Quyết định giám đốc thẩm số 31/2018/DS-GĐT, ngày 04/4/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và cho rằng: Quyết định số 163 mặt dù ban Hành trái pháp luật nhưng không làm phát sinh trách nhiệm bồi thường của NH nước, không có thiệt hại thực tế nào xảy ra, vì Quyết định số 163 được ban Hành vào ngày 15/8/2012, nhưng trước đó ngày 25/10/2011 bà Nh có đơn đề nghị cơ quan có thẩm quyền, tiếp tục làm thủ tục đăng ký quyền sở hữu nhà,đất tại số 126 cho bà Nhất, do đó Quyết định số 163 không pH là cơ sở để các bên chuyển dịch tài sản, như Quyết định giám đốc thẩm số 31/2018/DS-GĐT đã nhận định.

Thứ hai, theo Điều 692 của Bộ luật dân sự năm 2005, thì nhà,đất tại số 126 vẫn thuộc quyền sở hữu của bà Nhà,nhưng Hợp đồng chuyển nhượng nhà,đất tại số 126 giữa bà Nh với bà Nhất đã được Ủy ban nhân dân thị trấn P K1 xác nhận vào ngày 27/6/2011, vẫn đang là Hợp đồng có hiệu lực pháp luật. Theo khoản 1, Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010, quy định: "*Kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm mà người pH thi Hành án, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnhà,cầm cố tài sản của mình cho người khác, không thừa nhận tài sản là của mình mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi Hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi Hành án*….". Ở đây bà Nh ký chuyển nhượng nhà,đất tại số 126 cho bà Nhất, được Ủy ban nhân dân thị trấn P K1 xác nhận vào ngày 27/6/2011, trước khi có Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011. Vì vậy, cơ quan THADS không có quyền kê biên, nếu thực hiện việc cưỡng chế kê biên tài sản đã được chuyển nhượng trước đó là vi phạm pháp luật.

Thứ ba, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2012/HS-ST ngày 13/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, đã khẳng định việc bà Nh chuyển nhượng nhà,đất tại số 126 cho bà Nhất, để khắc phục hậu quả là phù hợp với quy định pháp luật, nên cơ quan THADS không có quyền kê biên nhà,đất tại số 126 để thi Hành cho bà H.

Thứ tư, tại Quyết định giải quyết khiếu nại số 46/QĐ-CTHA ngày 17/01/2014 của Cục THADS tỉnh Kon Tum không thể hiện có thiệt hại thực tế nào xảy ra do Quyết định số 163 gây ra, nên không có thiệt hại và không có trách nhiệm bồi thường.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Văn H (Nguyên Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định số 163) trình bày:

NHÀ,đất tại số 126 vừa thuộc tài sản thế chấp, đang do Cục THADS tỉnh Kon Tum xử lý (gồm chung 08 tài sản), để trả khoản nợ gốc và lãi là 3.876.802.341 đồng, và lãi chậm thi Hành án cho Ngân Hng đầu tư và phát triển Việt N - Chi nhánh Gia Lai, theo bản án số 02/2010/KDTM-ST ngày 10/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum. Đồng thời bà Nh đang bị khởi tố, truy tố về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", bà Nhất, bà Bình là bị hại. Quá trình điều tra bà Nhất, bà Bình đã bỏ tiền giải chấp 08 tài sản thế chấp, sau đó bà Nh chuyển

nhượng lại 08 tài sản cho bà Bìnhà,bà Nhất để khắc phục hậu quả trong vụ án hình sự, trong đó có nhà,đất tại số 126, được Cơ quan Điều tra Công an tỉnh Kon Tum đồng ý, thể hiện Công văn số 403/CV-CSĐT(PC45) ngày 10/11/2011; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum đồng ý, thể hiện Công văn số 106/CV-VKS ngày 18/11/2011, công văn số 02/CV-VKS ngày 01/12/2011, công văn số 09/CV-VKS ngày 15/12/2011. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 07/2012/HS-ST ngày 13/02/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum khẳng định việc bà Nh chuyển nhượng nhà,đất tại số 126 cho bà Nhất, để khắc phục hậu quả là phù hợp với quy định pháp luật. Hợp đồng chuyển nhượng nhà,đất tại số 126 được Ủy ban nhân dân thị trấn P K1 xác nhận vào ngày 27/6/2011, trước khi có Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011). Theo khoản 1, Điều 6 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010, quy định: "*Kể từ thời điểm có bản án, quyết định sơ thẩm mà người pH thi Hành án, chuyển đổi, chuyển nhượng, tặng cho, thế chấp, bảo lãnhà,cầm cố tài sản của mình cho người khác, không thừa nhận tài sản là của mình mà không sử dụng khoản tiền thu được để thi Hành án thì tài sản đó vẫn bị kê biên để thi Hành án*…", thì Cơ quan Thi Hành án không có quyền kê biên nhà,đất tại số 126 để thi Hành cho bà H. Vì vậy, Chi cục THADS huyện N H không có trách nhiệm pH bồi thường cho bà H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Th (Chấp Hành viên được phân công giải quyết đơn yêu cầu thi Hành án của bà H) trình bày:

Thực hiện sự phân công của lãnh đạo đơn vị, về việc tổ chức thi Hành án đối với bà Đinh Thị Nh theo Quyết định thi Hành án số 09/QĐ-CCTHADS ngày 03/10/2011 của Chi cục THADS huyện N H, tỉnh Kon Tum. Bà đã thực hiện việc xác minh và ra Quyết định kê biên số 01/QĐ-CCTHADS ngỳ 21/10/2011, để kê biên tài sản là nhà,đất tại số 126 của bà Đinh Thị Nhà,để bảo đảm thi Hành án. Quá trình thực hiện nhiệm vụ bà đã tuân thủ đúng trình tự quy định.

- Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Đinh Thị Nh gồm các ông, bà: Nguyễn Thái S; Nguyễn Thị Ánh T; Nguyễn Thị Thanh H; Đinh Thái H1; Đinh Thị Kiều T1 cùng chung ý kiến trình bày:

Mẹ chúng tôi là bà Đinh Thị Nhà,chết vào ngày 11/5/2022. Khi chết mẹ không để lại tài sản gì cho chúng tôi. Chúng tôi cũng không biết gì quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Chi cục THADS huyện N H và mẹ chúng tôi. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày: 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum quyết định:

Căn cứ: Khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 74 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các Điều 5,10, điểm b khoản 3 Điều 37, 47, khoản 4 Điều 165 của Luật THADS năm 2008; các Điều 22, 23, 40, 45, 64 Luật trách nhiệm bồi thường của NH nước năm 2009; khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 604, khoản 1

Điều 605, 608, 618, 619, 620, 692 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 615 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Chi cục THADS huyện N H, tỉnh Kon Tum bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu H, như sau:

+ Bồi thường số tiền 687.755.000đ (*Sáu trăm tám mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng*); trong đó: Tiền gốc 359.987.000 đồng; tiền lãi tính từ ngày 15/8/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2022) là 327.768.000 đồng và tiền lãi tiếp theo, theo mức lãi suất cơ bản (9%/năm/số tiền nợ gốc) kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán đủ tiền.

+ Bồi thường thiệt hại thu nhập thực tế bị mất và chi phí đi lại do pH theo đuổi vụ kiện là 20.000.000 đồng và tiền chi phí thuê luật sư là 50.000.000 đồng; tổng cộng 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*). Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu Chi cục THADS huyện N H, tỉnh Kon Tum chậm trả số tiền này cho bà Nguyễn Thị Thu H, thì pH chịu lãi 10%/năm/số tiền chậm trả, cho đến khi thanh toán đủ tiền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về: nghĩa vụ hoàn trả và trách nhiệm của người quản lý di sản, người thừa kế di sản, nghĩa vụ chấp Hành nhiều bản án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/10/2022, bị đơn - Chi cục THADS huyện N H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/10/2022, nguyên đơn - bà Nguyễn Thị Thu H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị HĐXX phúc thẩm chấp nhận số tiền bồi thường là: 897.624.982 đồng, trong đó: 430.000.000 đồng tiền gốc và lãi là 467.624.982 đồng (tương đương lãi suất 10%/ năm).

Ngày 18/10/2022, người có quyền và nghĩa vụ liên quan – ông Phan Văn H kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, lý do: Quyết định số 163/QĐ-CCTHADS ngày 15/8/2012 không pH là nguyên nhân, căn cứ chuyển dịch tài sản từ bà Nh sang bà Nhất, đồng thời không có thiệt hại nào đối với bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn thay đổi bổ sung kháng cáo nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm không cộng số tiền án phí 109.536.074 đồng mà bà Nh đã nộp án phí theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02 ngày 10/5/2010 của TAND tỉnh Kon Tum trước đây để tính giải chấp nH đất số 126 của bà Nh và thay đổi yêu cầu mức lãi suất 9%/năm như cấp sơ thẩm đã xử. Các nội dung kháng cáo còn lại, nguyên đơn giữ nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng các đương sự đã chấp Hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Quyết định 163 ngày 15/8/2012 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H ban Hành trái pháp luật gây thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu H, nên bà H khởi kiện yêu cầu bồi thường. Tại bản án dân sự số 13 ngày 27/9/2022, TAND huyện N H đã xử chấp nhận đơn của bà H là có căn cứ. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm còn có những thiếu sót về việc cộng số tiền án phí do bà Nh đã nộp 109.536.074 đồng theo bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02 ngày 10/5/2010 của TAND tỉnh Kon Tum vào để tính giải chấp giá trị còn lại đối với nhà,đất số 126 của bà Nh là không đúng, ảnh H1 đến quyền lợi của nguyên đơn. Bên cạnh đó, cấp sơ thẩm còn tuyên buộc bà Nh trả lại số tiền mà Chi cục THADS huyện N H bồi thường cho bà H là không đúng. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309 BLTTDS năm 2015, đề nghị cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng khắc phục những sai sót nêu trên để buộc Chi cục THADS huyện N H bồi thường cho nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H số tiền: 808.365.000 đồng, gồm: tiền gốc: 386.357.000 đồng; tiền lãi: 352.008.000 đồng; chi phí đi lại và thu nhập bị mất để khởi kiện: 20.000.000 đồng; tiền thuê luật sư: 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của Chi cục THADS huyện N H, bà Nguyễn Thị Thu H, ông Phan Văn H được lập đúng theo thủ tục và trong hạn luật địnhà,nên được HĐXX xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định tại Điều 22, 23 Luật trách nhiệm bồi thường của NH nước năm 2009; khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3]. Xét kháng cáo của các đương sự:

3.1. Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Thu H:

+ Về số tiền giải chấp căn nhà,đất 126: Nguyên đơn chỉ trừ đi số tiền gốc 520 triệu đồng mà không tính tiền lãi của khoản nợ 520 triệu đồng này là không đúng theo Thông tư số 39 ngày 30/12/2016 của Ngân Hng nH nước.

+ Về yêu cầu tính lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu tính từ ngày 19/10/2011 (ngày TAND huyện N H ban Hành bản án 02) đến ngày xét xử sơ thẩm là không có căn cứ. Cấp sơ thẩm tính lãi từ ngày 15/8/2012 (ngày Chi cục THADS huyện N H ban Hành QĐ 163) đến ngày xét xử sơ thẩm là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, xét thấy cấp sơ thẩm cộng số tiền án phí 109.536.047 đồng do bà Nh đã nộp theo bản án KDTM số 02 ngày 10/5/2010 cuả TAND tỉnh Kon Tum để tính số tiền giải chấp nhà,đất 126 là không đúng, nên cần chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn để sửa một phần án sơ thẩm.

3.2. Xét kháng cáo của bị đơn – CCTHADS huyên N H cho rằng cấp sơ thẩm không xem xét quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn liên quan đến bản án HSST số 07 ngày 13/02/2012 của TAND tỉnh Kon Tum. HĐXX thấy rằng Cấp sơ thẩm đã xem xét toàn diện vụ án, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Do đó kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận.

3.3. Xét kháng cáo của người có QLNVLQ, ông Phan Văn H cho rằng Quyết định 163 ngày 15/8/2012 của Chi cục trưởng THADS huyện N H ban Hành không pH là căn cứ dẫn đến việc chuyển dịch tài sản từ bà Đinh Thị Nh sang bà Nguyễn Thị Nhất, đồng thời không có thiệt hại xảy ra đối với bà Nguyễn Thị Thu H, nhưng cấp sơ thẩm lại nhận định có nội dung quy trách nhiệm cho ông H là không đúng pháp luật. Do đó kháng cáo của ông Phan Văn H không có căn cứ chấp nhận.

[4] *Về căn cứ yêu cầu bồi thường thiệt hại trong thi Hành án dân sự:*

Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N H và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2011/QĐPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum có hiệu lực pháp luật; bà H gửi đơn yêu cầu Chi cục THADS huyện N H thi Hành án nên Chi cục ban Hành Quyết định thi Hành án số 09/QĐ-CCTHA ngày 03/10/2011 cho thi Hành án theo đơn yêu cầu của bà H là đúng pháp luật. Tại thời điểm ngày 21/10/2011, khi Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định số 01/QĐ-CCTHA, kê biên nH đất tại số 126 của bà Nhà,để thi Hành án theo Đơn yêu cầu của bà H. Mặc dù trước đó (ngày 27/6/2011) bà Nh đã ký hợp đồng chuyển nhượng nH đất này cho bà Nhất, nhưng bà Nhất chưa hoàn tất thủ tục đăng ký sang tên theo quy định tại Điều Điều 692 của Bộ luật dân sự năm 2005 nên nH đất này vẫn thuộc quyền sở hữu của bà Nh. Do đó, việc Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định kê biên tài sản số 01/QĐ-CCTHA ngày 21/10/2011 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đến ngày 15/8/2012, Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định số 163/QĐ-CCTHA hủy Quyết định thi Hành án số 09/QĐ-CCTHA ngày 03/10/2011 và Quyết định kê biên tài sản số 01/QĐ-CCTHA ngày 21/10/2011 là không đúng. Mặt khác, sau này tại Thông báo số 667/TB-TCTHADS ngày 27/3/2013, Tổng cục THADS - Bộ Tư pháp cũng đã kết luận: "*NHÀ,đất tại số 126 vào thời điểm áp dụng biện pháp kê biên chưa hoàn tất thủ tục sang tên cho người khác nên vẫn thuộc quyền sử dụng, định đoạt của bà Nh*".

Từ những lý do trên đủ cơ sở xác định Quyết định số 163/QĐ-CCTHA ngày 15/8/2012 của Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H được ban Hành không đúng pháp luật, dẫn đến nhà,đất tại số 126 được chuyển dịch sang tên bà Nhất, làm ảnh H1 quyền được thi Hành án của bà H. Do đó, Chi cục THADS huyện N H pH bồi thường thiệt hại cho bà H theo Điều 5,10, điểm b khoản 3 Điều 37, khoản 4 Điều 165 của Luật THADS năm 2008; Điều 40, 45 Luật trách nhiệm bồi thường của NH nước năm 2009; Điều 28, 78 Luật trách nhiệm bồi thường của NH nước năm 2017.

[5] *Về xác định thiệt hại của bà H từ việc Chi cục trưởng Chi cục THADS huyện N H ban Hành Quyết định số 163/QĐ-CCTHA ngày 15/8/2012:*

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2010/KDTM-ST ngày 10/5/2010 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum có hiệu lực pháp luật, thể hiện vào năm 2008, bà Nh xác lập tại BIDV- Chi nhánh Gia Lai 04 Hợp đồng tín dụng, với tổng số tiền vay 2.655.000.000 đồng; trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nh đã trả được một phần lãi và 40.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tại phần Quyết định của bản án này xử buộc bà Nh pH trả BIDV 2.615.000.000 đồng tiền nợ gốc; trả lãi 1.261.802.341 đồng; tổng cả nợ gốc và lãi là **3.876.802.341** đồng và lãi tiếp theo tính trên nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ; buộc bà Nh pH nộp 109.536.046đ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Tài sản bảo đảm chung cho 04 Hợp đồng tín dụng trên thực hiện theo 05 Hợp đồng thế chấp tài sản, bao gồm 11 tài sản bảo đảm, trong đó có: Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 02/2007/HĐ, ngày 26/9/2007, gồm 02 thửa đất (25, 23b), tổng giá trị định giá tại thời điểm cho vay là 930.000.000đ; định giá riêng thửa đất số 25 (chính là nH đất tại số 126 đường Trần Phú) tại thời điểm cho vay là 650.000.000đ.

Trong giai đoạn thi Hành bản án số 02/2010/KDTM-ST, giữa bà Nh và BIDV tự bán thửa đất số 90A được 1.800.000.000đ để trừ vào nợ. Tính đến thời điểm giải chấp tài sản bà Nh còn nợ BIDV tổng tiền gốc và lãi (4.141.286.412 đồng, trừ đi 1.800.000.000 đồng), còn dư nợ lại **2.341.286.412** đồng; và pH chịu án phí 109.536.047 đồng; tương ứng còn lại 10 tài sản bảo đảm. Tại thời điểm này ngoài thực hiện nghĩa vụ tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2010/KDTM-ST, bà Nh không pH thực hiện nghĩa vụ thi Hành án khác. Bà Nguyễn Thị Bình nộp tiền thay bà Đinh Thị Nh tổng số tiền là 2.341.286.412 đồng để giải chấp 10 tài sản bảo đảm còn lại. Riêng số tiền án phí 109.536.047 đồng, bà Nh trực tiếp nộp tại Chi cục THADS huyện N H vào ngày 02/8/2010. Vào ngày 19 và 20 tháng 4 năm 2010, bà Nh được giải chấp 10 tài sản bảo đảm còn lại, trong đó có tài sản nhà,đất tại số 126.

Do đó, Số tiền giải chấp nhà,đất tại số 126 được tính: Dư nợ tại BIDV ở thời điểm giải chấp là 2.341.286.412 đồng chia cho tổng giá trị tài sản của 10 tài sản bảo đảm còn lại là 2.700.000.000 đồng (không tính giá trị tài sản là thửa đất số 90A, vì được xử lý trước thời điểm giải chấp), nhân với giá trị riêng tài sản là nhà,đất tại số 126, (là thửa đất số 25, giá 650.000.000 đồng);

Kết quả: (2.341.286.412đ : 2.700.000.000đ) x 650.000.000đ = **563.643.000 đồng**

Vì số tiền án phí 109.536.047 đồng, bà Nh trực tiếp nộp tại Chi cục THADS huyện N H nên không được cộng vào số tiền dùng để giải chấp căn nH 126.

Nếu Quyết định kê biên tài sản số 01/QĐ-CCTHA ngày 21/10/2011 của Chi cục THADS huyện N H được thực thi, thì theo quy định tại Điều 47 Luật THADS năm 2008: Tài sản của bà Nh là nhà,đất tại số 126, để thi Hành án cho bà H là phần giá trị còn lại như sau:

950.000.000đ (giá theo biên bản định giá ngày 13/5/2019) - 563.643.000đ(số tiền giải chấp nH 126) = **386.357.000 đồng**

Do đó: Chi cục THADS huyện N H pH có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho bà H số tiền gốc **386.357.000** đồng và tiền lãi chậm thi Hành án tính trên số tiền gốc, tính từ thời điểm ban Hành Quyết định số 163 ngày 15/8/2012 (thời điểm gây thiệt hại cho bà H), đến thời điểm xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2022), theo mức lãi suất cơ bản (9%/năm) đã được ấn định theo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2011/QĐPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum; số tiền lãi được xác định là **352.008.000** đồng; tổng cộng tiền gốc và lãi **738.365.000** đồng theo các Điều 604, 605, 608, 618, 619, 620, 692 của Bộ luật dân sự năm 2005 . Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm nếu bị đơn chậm bồi thường pH tiếp tục chịu mức lãi suất cơ bản, trên số tiền nợ gốc chậm trả, cho đến khi bồi thường đủ.

Ngoài ra, bà H yêu cầu bị đơn pH bồi thường số tiền thu nhập thực tế bị mất và chi phí đi lại 20.000.000 đồng để theo đuổi vụ kiện; tiền chi phí thuê luật sư 50.000.000 đồng. Các yêu cầu này là phù hợp với quy định tại theo quy định tại Điều 78 Luật Trách nhiệm bồi thường NH nước năm 2017 nên có căn cứ để chấp nhận.

Tuy nhiên, tại phần QĐ của bản án sơ thẩm còn có những nội dung tuyên chưa đúng. Cụ thể như sau:

- Cấp sơ thẩm tuyên: "…Bà Nh có trách nhiệm hoàn trả lại cho CCTHADS huyện N H, tỉnh Kon Tum số tiền 687.755.000 đồng để nộp ngân sách nH nước…". Số tiền này CCTHADS huyện N H chưa có yêu cầu giải quyết trong vụ án này, nhưng cấp sơ thẩm tuyên như trên là vượt quá yêu cầu của đương sự theo Điều 5 BLTTDS. Vì trách nhiệm hoàn trả theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của NH nước là do người thi Hành công vụ có lỗi gây thiệt hại có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân sách NH nước số tiền đã bồi thường cho người bị thiệt hại.

Qua những phân tích trên, cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu H, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn – Chi cục THADS huyện N H và đơn kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan – ông Phan Văn H.

[6] Về xác định nghĩa vụ chấp Hành nhiều bản án:

Ngoài ra, bà Nh vẫn pH tiếp tục thi Hành án phần chưa trả đủ cho bà H là: 485.643.000 đồng và tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền này; trả phần lãi tương ứng với số tiền 386.357.000 đồng tính từ ngày Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N H và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2011/QĐPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum có hiệu lực pháp luật đến ngày 14/8/2012 (trước ngày ban Hành Quyết định số 163).

Bà Đinh Thị Nh chết ngày 11/5/2022, những người thừa kế của bà Nh là anh Nguyễn Thái S, chị Nguyễn Thị Ánh T, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đinh Thái H1, chị Đinh Thị Kiều T1 đều xác định bà Nh không để lại di sản gì cho họ. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại đối với họ là có căn cứ theo quy định pháp luật.

[7] *Về chi phí tố tụng:*

Cấp sơ thẩm nhận định: Bị đơn đã tạm ứng số tiền 03 triệu đồng, tại phiên tòa bị đơn chấp nhận chịu các chi phí này và không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa nên Hội đồng xét xử không đề cập đến. Tuy nhiên, đây là tiền của NH nước nên không ai được quyền thỏa thuận số tiền này, cấp sơ thẩm nhận định như trên là không đúng. Do vậy, cần sửa lại nội dung này theo hướng: Bị đơn – Chi cục THADS huyện N H pH chịu chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản 03 triệu đồng, đã nộp đủ.

[8] *Về án phí*:

Đây là vụ án bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của NH nước nên không áp dụng án phí theo Điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường của NH nước năm 2009, điểm f khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

- Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị Thu H

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – Chi cục THADS huyện N H, tỉnh Kon Tum.

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền và nghĩa vụ liên quan – ông Phan Văn H.

- Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 13/2022/DS-ST ngày 27/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ: Khoản 12 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm n khoản 2 Điều 39; Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 5,10, điểm b khoản 3 Điều 37, 47, khoản 4 Điều 165 của Luật THADS năm 2008; các Điều 22, 23, 40, 45, 64 Luật trách nhiệm bồi thường của NH nước năm 2009; Điều 28, 78 Luật trách nhiệm bồi thường NH nước năm 2017; khoản 2 Điều 305, khoản 1 Điều 604, khoản 1 Điều 605, 608, 618, 619, 620, 692 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng điểm f khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 64 Luật trách nhiệm bồi thường nH nước năm 2009

X**ử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc Chi cục THADS huyện N H, tỉnh Kon Tum bồi thường thiệt hại cho bà Nguyễn Thị Thu H như sau:

+ Bồi thường số tiền **738.365.000** *(Bảy trăm ba mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi lăm ngàn đồng*); trong đó: Tiền gốc **386.357.000** *(ba trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn)* đồng; tiền lãi tính từ ngày 15/8/2012 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/9/2022) là **352.008.000** *(ba trăm năm mươi hai triệu, không trăm lẻ tám ngàn)* đồng và tiền lãi tiếp theo, theo mức lãi suất cơ bản (9%/năm/số tiền nợ gốc) kể từ ngày 28/9/2022 cho đến khi thanh toán đủ tiền.

+ Bồi thường thiệt hại thu nhập thực tế bị mất và chi phí đi lại do pH theo đuổi vụ kiện 20.000.000 đồng và tiền chi phí thuê luật sư 50.000.000 đồng; tổng cộng 70.000.000đ (*Bảy mươi triệu đồng*).

Về nghĩa vụ chậm thi Hành án: Căn cứ khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và những người được thi Hành án có đơn yêu cầu thi Hành án, mà bên pH thi Hành án không chịu bồi thường khoản tiền nêu trên, bên pH thi Hành án pH chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về nghĩa vụ hoàn trả và trách nhiệm của người quản lý di sản, người thừa kế di sản:

+ Bà Đinh Thị Nh vẫn pH tiếp tục thi Hành án phần chưa trả đủ tiền cho bà Nguyễn Thị Thu H là **485.643.000 đồng** (*bốn trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm bốn mươi ba ngàn đồng)* tiền gốc và tiền lãi chậm trả tương ứng với số tiền này, theo mức lãi suất cơ bản (9%/năm/số tiền nợ gốc) kể từ ngày Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2011/QĐPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum có hiệu lực pháp luật cho đến khi thanh toán đủ tiền.

+ Bà Đinh Thị Nh pH trả cho bà Nguyễn Thị Thu H phần lãi tương ứng với số tiền gốc **386.357.000 đồng** *(ba trăm tám mươi sáu triệu, ba trăm năm mươi bảy ngàn)*, theo mức lãi suất cơ bản (9%/năm/số tiền nợ gốc) tính từ ngày Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2011/QĐPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum có hiệu lực pháp luật đến ngày 14/8/2012.

Bà Đinh Thị Nh đã chết nên người quản lý di sản, người H1 thừa kế di sản gồm: anh Nguyễn Thái S, chị Nguyễn Thị Ánh T, chị Nguyễn Thị Thanh H, anh Đinh Thái H1, chị Đinh Thị Kiều T1 có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do bà Đinh Thị Nh để lại (nếu có). Khi xác định được có di sản của bà Đinh Thị Nh để lại mà có phát sinh tranh chấp về thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại, thì các bên vẫn được quyền khởi kiện theo quy định pháp luật.

3. Về xác định nghĩa vụ chấp Hành nhiều bản án:

Về nghĩa vụ của bà Đinh Thị Nh đối với bà Nguyễn Thị Thu H theo Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2011/DSST ngày 19/7/2011 của Tòa án nhân dân huyện N H, tỉnh Kon Tum và Quyết định đình chỉ xét xử phúc thẩm số 02/2011/QĐPT ngày 27/9/2011 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã được nêu lại trong bản án này.

4.Về án phí:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc yêu cầu bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm của NH nước nên không áp dụng án phí đối với các đương sự.

5. Trường hợp bản án được thi Hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi Hành án dân sự, người pH THADS có quyền thoả thuận thi Hành án, quyền yêu cầu thi Hành án, tự nguyện thi Hành án hoặc bị cưỡng chế thi Hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi Hành án dân sự. Thời hiệu thi Hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (06/3/2023).

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- TAND tp Kon Tum ;
- Cục THADS tỉnh Kon Tum, Chi cục THADS tp Kon Tum;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Nguyên

CÁC THẨM PHÁN **CHỦ TOẠ**

Trần Tỷ **Nguyễn Minh THành** **Huỳnh Nguyên**